

CHỦ NGHĨA TAM DÂN TÔN TRUNG SƠN VÀ BƯỚC CHUYỂN CỦA PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

SUN CHUNG-SHAN TRIDEMISM AND TURNING POINTS
IN THE REVOLUTIONARY MOVEMENT OF VIETNAM AT THE START OF THE 20TH CENTURY

ĐINH NGỌC THẠCH^(*)

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 22-8-2022 Ngày biên tập xong: 12-9-2022 Ngày duyệt đăng: 25-9-2022 Mã số: TCKH35-14-2022 ISSN: 2525 – 2429 Từ khóa: Tôn Trung Sơn; chủ nghĩa Tam dân; Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh; chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Key words: Sun Chung-Shan; Tridemism; Nguyen Ai Quoc – Ho Chi Minh; Marxist – Leninism.	<i>Chủ nghĩa Tam dân được xác lập vào năm 1905, được xem là cương lĩnh cách mạng của Tôn Trung Sơn (1866-1925) với nguyên tắc “Dân tộc độc lập – dân quyền tự do – dân sinh hạnh phúc”. Chủ thuyết đó của ông nhanh chóng phổ biến khắp cả nước, tạo nên hiệu ứng chính trị chưa từng có vào đầu thế kỷ XX và thu hút hàng vạn thanh niên bước vào con đường đấu tranh lật đổ chế độ phong kiến, xây dựng nền cộng hòa dân chủ với những tiêu chí vừa mang tính phổ biến của nhân loại, vừa thể hiện sâu sắc “chủ nghĩa quốc tộc” kiểu Trung Quốc. Các nhà yêu nước Việt Nam tiếp thu nhiều dòng tư tưởng tiến bộ, trong đó có chủ nghĩa Tam dân, cũng như cương lĩnh của Quốc Dân Đảng do Tôn Trung Sơn soạn thảo, nhận thấy ở đó nhiều điểm phù hợp, có thể tiếp thu, vận dụng vào điều kiện Việt Nam.</i> ABSTRACT: Tridemism was first created in 1905 and is often considered the revolutionary program of Sun Chung-Shan (1866-1925). It is based on the principle of “Civic Nationalism – Governance Rights/Democracy – Welfare Rights”. The core tenets of his ideal quickly spread like wildfire across the nation, generating an unprecedented wave of political impact at the start of the 20th century and attracting tens of thousands of young men and women to step into the path of overthrowing the feudal government, building a democratic republic with criteria that both reflect humanistic universality while being deeply enriched with Chinese “Civic Nationalism”. Vietnamese patriots absorbed many radical lines of thought, including tridemism as well as the political program of the Kuomintang (Chinese Nationalist Party) written by Sun Chung-Shan, which contained many similarities that can be adopted and utilized in the context of Vietnam.

^(*) PGS.TS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, thachtr@yahoo.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tân thư, Khai sáng Pháp, chủ nghĩa Mác – Lê-nin, chủ nghĩa Tam dân ảnh hưởng đến phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX với những mức độ khác nhau. Các nhà yêu nước như Phan Bội Châu, Nguyễn Quyền, Phan Văn Trường, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh, Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính... đều biết đến hoặc đón nhận chủ nghĩa Tam dân như một trong những động lực cổ vũ cho cuộc đấu tranh giải phóng và cải cách xã hội của Việt Nam. Nói khác đi, chủ nghĩa Tam dân là một trong những sự lựa chọn chính trị của các nhà yêu nước Việt Nam trong quá trình xác lập cương lĩnh và hệ tư tưởng của mình. Vậy, đâu là điểm cốt lõi, có sức lôi cuốn về chính trị của chủ nghĩa Tam dân? Chủ nghĩa Tam dân gắn với bước chuyển của phong trào yêu nước Việt Nam như thế nào? Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình đó, thể hiện ở cách tiếp của Người về chủ nghĩa Tam dân? Đó là những vấn đề đặt ra trong việc tìm hiểu chủ nghĩa Tam dân và bước chuyển của phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX, cũng như bài học lịch sử của nó.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số vấn đề của chủ nghĩa Tam dân

“Dân tộc độc lập, Dân quyền tự do, Dân sinh hạnh phúc” tạo thành nội dung cơ bản của chủ nghĩa Tam dân, và xét về mục tiêu, đó là “chủ nghĩa cứu nước” [8, tr.49]. Từ điểm xuất phát đó, khá nhiều vấn đề, như dân chủ, bình đẳng, bác ái, công bằng, thể chế chính trị được Tôn Trung Sơn triển khai ở ba bài giảng về chủ nghĩa Tam dân, tạo nên mối quan hệ khăng khít giữa hai mục tiêu cơ bản của cách mạng Trung Hoa – cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội. Lấy “dân” làm trung tâm, Tôn Trung Sơn định nghĩa “chính trị” theo cách của ông: “chính” là việc của dân chúng, “trị” là quản lý việc của dân chúng [8, tr.262]. Tương tự, Tôn Trung Sơn giải thích “dân quyền” là khối đông có tổ chức, cùng với uy thế, lực lượng mở rộng tới

phạm vi quốc gia, ghép “dân” với “quyền” thành “dân quyền”, đó là sức mạnh chính trị của nhân dân [8, tr.162]. Mục tiêu của Đảng Cách mạng là nêu cao Dân quyền, hướng đến xây dựng nền cộng hòa mà ở đó “nhân dân sẽ làm vua” [8, tr.187]. Tôn Trung Sơn hiểu “dân sinh” là đời sống của nhân dân, sinh tồn của xã hội, sinh kế của quốc dân, sinh mệnh của quần chúng... *“Vĩ dân sinh thuộc vấn đề xã hội, nên theo Tôn Trung Sơn, chủ nghĩa dân sinh là chủ nghĩa xã hội, còn gọi là chủ nghĩa cộng sản, tức là chủ nghĩa đại đồng”* [8, tr.313]. Tôn Trung Sơn xem chủ nghĩa dân sinh là chủ đề bản chất của chủ nghĩa xã hội [8, tr.320]. Về “Chủ nghĩa dân tộc”, Tôn Trung Sơn định nghĩa ngắn gọn chủ nghĩa dân tộc là chủ nghĩa “quốc tộc” đặc sắc Trung Quốc [8, tr.50, 51], vượt qua khuôn khổ truyền thống chật hẹp của chủ nghĩa “gia tộc” và chủ nghĩa “tông tộc”. Định nghĩa này cho thấy Tôn Trung Sơn đã vượt qua quan điểm Nho gia về mối quan hệ giữa “nhà” và “nước”, giữa “gia tộc”, “tông tộc” và “quốc tộc”, “dân tộc”. Khi nhấn mạnh “quốc tộc”, chủ nghĩa Tam dân ngụ ý về sự đoàn kết, thống nhất dân tộc Trung Hoa vì một quốc gia bền vững, lấy lợi ích dân tộc làm nền tảng phát triển. Lợi ích sống còn của dân tộc thể hiện ở sự độc lập, chủ quyền. Sức mạnh dân tộc thể hiện ở bản sắc, truyền thống, ở con người. Nỗi đau 300 năm của Trung Quốc là bị “phai nhạt bản sắc” do bị ngoại bang xâm lược.

Tôn Trung Sơn nói về tình trạng chung của các dân tộc bị tổn thương bởi tình trạng thuộc địa hoặc nửa thuộc địa, trong đó có, Triều Tiên, Việt Nam, Trung Quốc. Tôn Trung Sơn viết: *“Chúng ta phải khôi phục chủ nghĩa dân tộc đã mất, làm cho nó tỏa sáng rộng lớn hơn nữa, rồi chúng ta mới có cơ sở thực tế để nói về chủ nghĩa thế giới”* [8, tr.124], song muốn phục hưng dân tộc và phát triển, không chỉ phục hồi hệ giá trị truyền thống, mà còn phải biết học hỏi nước ngoài [8, tr.157], học Nhật Bản, Âu, Mỹ. Nói khác đi, giải phóng dân

tộc phải gắn liền với cải cách xã hội, trên cơ sở phát huy nội lực và học hỏi các dân tộc đi trước trong quá trình này. Hạn chế lớn là “không học người châu Âu”, điều mà Nhật Bản làm được, nhờ đó mà phát triển đuổi kịp và vượt châu Âu. Tình trạng co cụm, bảo thủ là điểm chung của nhiều dân tộc ở châu Á. Vì thế, cần tư duy lại để tránh nguy cơ bị mất chủ quyền, mất nước, bị xóa sổ trên bản đồ thế giới.

Trong “Chủ nghĩa dân quyền”, Tôn Trung Sơn xác định tư tưởng dân quyền một mặt kế thừa truyền thống Trung Quốc, mặt khác tiếp thu có chọn lọc tư tưởng dân quyền châu Âu, nhất là lý tưởng của cách mạng Pháp. Sự kết hợp này là điều kiện cho cuộc đấu tranh vì “dân quyền tự do”. So sánh với khẩu hiệu của Cách mạng Pháp năm 1789, Tôn Trung Sơn cho rằng, khẩu hiệu của Cách mạng Pháp là Tự do - Bình đẳng - Bác ái, có thể liên tưởng đến khẩu hiệu của Cách mạng Trung Quốc ngày nay là Chủ nghĩa dân tộc - Chủ nghĩa Dân quyền - Chủ nghĩa Dân sinh. Tự do - Bình đẳng - Bác ái là căn cứ vào Dân quyền - đó chính là điểm gặp gỡ giữa lý tưởng của Cách mạng Trung Quốc và Cách mạng Pháp, Mỹ [8, tr.189, 255]. Tôn Trung Sơn chủ trương học hỏi phương thức tổ chức quyền lực của các nước châu Âu và Mỹ, từ thời Plato trở đi [8, tr.260], từ đó chọn ra cách tiếp cận đặc thù của Trung Quốc để khẳng định dân quyền. Ngay cả khái niệm “chính quyền” cũng cần phải được hiểu như sau: “*Chính quyền tức là quyền nhân dân đứng trên trị quyền tức là quyền chính phủ*” [8, tr.309].

Trong quá trình tìm hiểu tư tưởng của C. Mác, Tôn Trung Sơn xem C. Mác như “*Tập đại thành của nhân loại mấy nghìn năm nay*” [8, tr.323]. Ông tán thành quan điểm của C. Mác về lịch sử như sự tiếp nối các thế hệ, mỗi thế hệ lại tạo nên những dấu ấn của mình thông qua hoạt động sáng tạo, tự do, sự hoạt động mà C. Mác gọi là minh chứng cho “*Đời sống có tính loài đặc thù của con người*”, sự hoạt động “*Theo các quy luật của cái đẹp*” [3, tr.137]. Xem xét chủ nghĩa

Mác từ góc độ học thuyết giải phóng con người, Tôn Trung Sơn đã đón nhận quan niệm duy vật về lịch sử (về sau gọi là chủ nghĩa duy vật lịch sử) của C. Mác. Ông viết: “*Trước khi học thuyết Mác được truyền bá trên thế giới, chủ nghĩa xã hội được nói đến đều là lý luận cao siêu, thoát ly thực tế quá xa; riêng Mác chuyên đi sâu vào thực tế và lịch sử, mổ xẻ phân tích đầy đủ chi tiết tình hình diễn biến kinh tế của vấn đề xã hội. Vì thế sau đó giới học thuật phân loại những người xã hội chủ nghĩa thành hai phái: Phái không tưởng và phái khoa học*” [8, tr.321]. Quan niệm duy vật về lịch sử, bắt đầu từ “tiền đề đầu tiên của mọi sự tồn tại”, được C. Mác và Ph. Ăngghen phân tích trong “Hệ tư tưởng Đức” [2, tr.39], đã được Tôn Trung Sơn trình bày đơn giản và dễ hiểu trong bài 4 của “Chủ nghĩa dân sinh”, cũng là bài kết thúc của chủ nghĩa Tam dân [8, tr.396-418].

2.2. Chủ nghĩa Tam dân, chủ nghĩa Mác – Lê-nin và bước chuyển tư tưởng của cách mạng Việt Nam

Chủ nghĩa Tam dân cho thấy Tôn Trung Sơn hướng đến chủ nghĩa Mác ở những vấn đề căn bản nhất, có ý nghĩa sống còn trong việc xác lập cương lĩnh cách mạng nhằm “phục hồi niềm kiêu hãnh dân tộc”. Tôn Trung Sơn không phải là người theo chủ nghĩa Mác, thậm chí ông không đồng tình với Mác trong nhiều vấn đề triết học và chính trị, về thế giới quan và con đường phát triển của lịch sử nhân loại, về đấu tranh giai cấp, học thuyết giá trị thặng dư và bản chất của xã hội tư sản, thậm chí làm lệch học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, mong muốn thay học thuyết về chủ nghĩa xã hội bằng chủ nghĩa dân sinh [8, tr.122, 327, 328-333, 335, 340, 344].

Mô hình chính trị của Tôn Trung Sơn là sự kết hợp nhiều dòng tư tưởng khác nhau, trong đó có những giá trị truyền thống Trung Hoa, tư tưởng khai sáng Pháp, lý tưởng của chủ nghĩa Mác, mô hình chính trị Hoa Kỳ, những điểm ưu việt của chế độ xô viết. Ông xem sự kết hợp đó là

phù hợp với mục tiêu cách mạng Trung Quốc, tạo nên “hình mẫu” cho cách mạng ở các nước châu Á.

Chủ nghĩa Tam dân và cách mạng Tân Hợi (1911), cùng các phong trào chính trị - xã hội Trung Quốc đầu thế kỷ XX tác động tích cực đến phong trào cách mạng Việt Nam, góp phần tạo nên bước chuyển lớn trong tư tưởng Việt Nam. Đặc điểm cơ bản của bước chuyển tư tưởng Việt Nam thời kỳ này thể hiện ở chỗ, *một là*, sự nhận thức lại truyền thống, vượt qua hệ tư tưởng phong kiến, tìm kiếm con đường giải phóng dân tộc phù hợp với xu thế lịch sử của nhân loại. Quá trình này dẫn đến sự ra đời các phong trào yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học, những trí thức “Tây học” như Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh, của các tổ chức xã hội như Đông kinh nghĩa thực, Công hội đỏ, trước khi có Đảng Cộng sản ra đời. Trong các phong trào đó, dấu ấn của chủ nghĩa Tam dân hiện diện khá rõ nét trong cách tiếp cận của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh và Nguyễn Thái Học. *Hai là*, sự đa dạng, yếu tố thể nghiệm hướng đến mục tiêu chung là giải phóng dân tộc và cải cách xã hội theo con đường dân chủ, tiến bộ. Phan Bội Châu sau thất bại của phong trào Đông Du, đã thành lập Việt Nam Quang phục Hội, chủ trương hướng đến nước cộng hòa dân chủ tại Việt Nam sau khi đánh đuổi thực dân Pháp [4, tr.135]. Nhưng Phan Bội Châu cũng chỉ dừng lại ở đó, mặc dù để tâm nghiên cứu chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Mác – Lê-nin sau khi Quang phục Hội thất bại. Cũng như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh cố gắng thoát khỏi ảnh hưởng của Nho gia, chuyển dần sang tư tưởng dân chủ tư sản, đề ra thuyết Dân quyền theo tinh thần của cách mạng Pháp và chủ nghĩa Tam dân với lý tưởng “Khai dân trí – chấn dân khí – hậu dân sinh”. Tuy nhiên, ảo tưởng kết hợp thuyết Dân quyền với quan điểm “Pháp – Việt thỏa hiệp”, dùng khổ nhục kế để đạt được độc lập bằng phương tiện hòa bình là sự thử nghiệm không thành công.

Quốc dân đảng của Nguyễn Thái Học thể hiện tiếng nói của tư sản dân tộc và tiểu tư sản, lấy chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn làm chỗ dựa tư tưởng. Nhưng tư sản và tiểu tư sản Việt Nam là một lực lượng nhỏ bé và dao động. Giá đỡ thực tiễn yếu ớt như vậy không thể đem lại thành công cho một phong trào đầy tham vọng.

Cũng như nhiều nhà yêu nước Việt Nam, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc bắt đầu con đường cách mạng của mình bằng chuyến ra đi năm 1911, với hành trang tư tưởng mang theo là chủ nghĩa yêu nước và những bài học xương máu do các bậc tiền bối cách mạng để lại. Từ “trục chính” này Nguyễn Ái Quốc đã gặp gỡ Phan Bội Châu. Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh, tìm thấy ở họ điểm chung là chống phong kiến, đế quốc, giải phóng và khai sáng dân tộc. Tuy nhiên, sự diễn biến tư tưởng về sau làm bộc lộ những khác biệt căn bản giữa Nguyễn Ái Quốc với họ. Đại hội Tours (1920) đánh dấu bước chuyển quyết định của tư tưởng Nguyễn Ái Quốc từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống đến chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, sự kết hợp giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhận thức đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội là điểm nhấn đầu tiên, và cũng là nền tảng của tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc. Đối với Người, giải quyết vấn đề dân tộc không tách rời những vấn đề mang tính nhân loại. Người nhấn mạnh: “*Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các nước thuộc địa*” [5, tr.273]. Ghi nhận bước chuyển có tính cách mạng trong lịch sử tư tưởng Việt Nam đầu thế kỷ XX do Nguyễn Ái Quốc thực hiện, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng viết: “*Muốn thấy hết những gì làm nên con người Hồ Chí Minh thì phải thấy dân tộc Việt Nam với tất cả lịch sử của nó cho đến đầu thế kỷ này (thế kỷ XX)*” [1, tr.98].

Trong thời gian từ 1920 trở đi Nguyễn Ái Quốc luôn tìm hiểu, theo dõi tình hình đấu tranh của các lực lượng tiến bộ bên ngoài Đông Dương, nhất là Nhật Bản, Trung Quốc, Triều Tiên, viết bài ủng hộ cách mạng Trung Quốc, trong đó có phong trào cách mạng của Tôn Trung Sơn và chủ thuyết Tam dân. Nguyễn Ái Quốc chỉ ra sự tương đồng về “thân phận nô lệ” của người Trung Quốc và các nước châu Á khác, trong đó có Triều Tiên, Việt Nam, sự gắn kết mục tiêu của cách mạng Việt Nam và cách mạng Trung Quốc. Trong bài viết “Đại hội công nhân và nông dân” Nguyễn Ái Quốc đánh giá cao tinh thần cách mạng của Quốc dân Đảng, sự liên minh giữa Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản. Người mô tả: trong điều kiện cả hai Đại hội – Đại hội lần thứ nhất của nông dân tỉnh Quảng Đông và Đại hội lần thứ hai của công nhân toàn Trung Quốc – cùng họp chung, trên lễ đài có chân dung của Tôn Dật Tiên, C. Mác, V.I. Lê-nin, Líp-nếch và Rô-da Lúcxambua [5, tr.167]. Qua các bài viết, Nguyễn Ái Quốc luôn thể hiện sự kính trọng đặc biệt và sự tin tưởng “*Tôn Trung Sơn tiên sinh*” [5, tr.216].

Cuốn sách “Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc” do Nguyễn Ái Quốc chủ biên, với sự tham gia của các sinh viên Trung Quốc, được hình thành trong thời gian Nguyễn Ái Quốc làm việc và học tập tại Trường Đại học phương Đông (1924), xuất bản năm 1925. Trong cuốn sách đó, Nguyễn Ái Quốc chú trọng đến lý tưởng cộng sản chủ nghĩa như hạt nhân của cách mạng Trung Quốc, đồng thời đánh giá cao vai trò của Quốc dân Đảng trong chính sách “Liên Nga, thân cộng, hỗ trợ công nông”. Những điều đó cho thấy, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn để lại dấu ấn sâu đậm, tích cực trong quá trình hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc đầu thế kỷ XX.

Trong “Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch”, Trần Dân Tiên viết về sự quan tâm của Nguyễn Ái Quốc đối với phong trào cách mạng do Tôn Trung Sơn (bác sĩ Tôn Dật Tiên) lãnh đạo, gọi đó là “phong trào dân tộc vĩ đại”. Đồng thời “đọc hết tâm lực nghiên

cứu chính trị Trung Quốc”, tóm lược ba nguyên tắc của chủ nghĩa Tam dân: dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc. “Phong trào cách mạng của Tôn Trung Sơn là một trong những nhân tố tác động đến việc thành lập “Hội Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí” và xuất bản báo “Thanh niên” [9, tr.71].

Các nhà nghiên cứu tại Viện nghiên cứu Trung Quốc nhấn mạnh: “...*Sự ảnh hưởng của Tôn Trung Sơn đối với Hồ Chí Minh là hoàn toàn phù hợp thực tế... Hồ Chí Minh đã coi Tôn Trung Sơn như một nhà cách mạng tiền bối quý mến cùng chí hướng với mình nên đã đón nhận chủ nghĩa Tam dân và phương pháp cách mạng của Tôn Trung Sơn một cách húng khởi*” [11, tr.78].

Ngày 3 tháng 2 năm 1930 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Ngày 2 tháng 9 năm 1945 trên Quảng trường Ba Đình lịch sử Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chấm dứt 80 năm đô hộ của thực dân Pháp. Dân tộc Việt Nam, bằng Cách mạng Tháng Tám, đã thực hiện trọn vẹn sự nghiệp đấu tranh mà các thế hệ đi trước khởi xướng và hy sinh quên mình, đồng thời khôi phục lại các giá trị dân chủ, nhân văn từng bị thực dân Pháp chà đạp, xuyên tạc dưới chiêu bài “khai hóa văn minh”.

Trong Thư gửi đồng bào toàn quốc nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết: Cách mạng Tháng Tám đã giải phóng đồng bào ta ra khỏi chế độ quân chủ chuyên chế và xiềng xích thực dân.

Cách mạng Tháng Tám đã xây dựng cho nhân dân ta cái nền tảng Dân chủ Cộng hòa và thống nhất độc lập.

Noi gương Cách mạng 1776 của Mỹ, Cách mạng Tháng Tám tranh tự chủ chống ngoại xâm.

Cũng như Cách mạng 1789 của Pháp, Cách mạng Tháng Tám thực hành lý tưởng: Bình đẳng, Tự do, Bác ái.

Theo gót Cách mạng 1911 của Tàu, Cách mạng Tháng Tám thực hiện chủ nghĩa: Dân tộc, dân quyền, dân sinh [7, tr.187]. Điều đó có

nghĩa, chủ nghĩa Tam dân Tôn Trung Sơn là một trong những tiền đề quan trọng của cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa Tam dân, với những nguyên tắc cơ bản của nó, được Nguyễn Ái Quốc tiếp thu trong quá trình hoạt động cách mạng của Người, vì nhận thấy phù hợp với mục tiêu chung của dân tộc Việt Nam, song Người không dừng lại ở đó, mà đến với chủ nghĩa Mác – Lê-nin, sáng lập đảng của giai cấp vô sản và toàn thể nhân dân lao động Việt Nam – Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là lực lượng lãnh đạo duy nhất đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi trong cuộc đấu tranh giành độc lập, chiến thắng ngoại xâm và xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

3. KẾT LUẬN

Quy luật kế thừa của tư tưởng chỉ rõ, mỗi thời đại sáng tạo ra hệ giá trị của mình, nhưng không rơi vào quên lãng, mà được kế thừa, “lọc bỏ” ở thời đại sau dưới hình thức phủ định biện

chứng, nghĩa là lưu giữ những mặt tích cực, phù hợp, đồng thời rút ra bài học cho chặng đường phát triển tiếp theo. Không chỉ chủ nghĩa Tam dân, mà các dòng tư tưởng tích cực, tiến bộ đều được đón nhận và cải biến phù hợp với điều kiện của mỗi dân tộc. Chẳng hạn, tư tưởng của Tổng thống Hoa Kỳ Abraham Lincoln về “*Chính quyền của dân, do dân và vì dân sẽ mãi mãi trường tồn*” [10, tr.108] có thể tìm thấy trong tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng được vận dụng vào điều kiện lịch sử cụ thể mang tính đặc thù của Việt Nam. Quá trình tiếp cận với chủ nghĩa Tam dân và bước chuyển cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX, dẫn đến Cách mạng Tháng Tám và Quốc Khánh 2 tháng 9 năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với biểu trưng “Độc lập – Tự do – Hạnh phúc” là minh chứng cho sự tích hợp đầy ý nghĩa này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Văn Đồng (1991), *Hồ Chí Minh – quá khứ, hiện tại và tương lai*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [2] C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] C. Mác và Ph. Ăngghen (2000), *Toàn tập*, tập 42, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [5] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8] Tôn Trung Sơn (1995), *Chủ nghĩa Tam dân* (Nguyễn Như Diệm, Nguyễn Tu Tri dịch), Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [9] Trần Dân Tiên (1995), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10] *Tổng thống Mỹ - những bài diễn văn nổi tiếng* (2018), (sách dịch), Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [11] Viện nghiên cứu Trung Quốc (2008), *Tôn Trung Sơn – Cách mạng Tân Hợi và quan hệ Việt Nam – Trung Quốc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.